

Số: 135 /KH-THĐ

Thuận An, ngày 06 tháng 11 năm 2020

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Xây dựng và phát triển trường THPT Trịnh Hoài Đức
giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Sự cần thiết tiếp tục xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường

Trường Trung học Trịnh Hoài Đức là trường trung học công lập đầu tiên của tỉnh Bình Dương, được thành lập từ năm học 1955. Đến nay, trường đã có bề dày truyền thống 65 năm phát triển và luôn giữ vững hiệu quả đào tạo. Nhiều thế hệ học sinh của nhà trường đã thành đạt và đang đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong các cơ quan, ban ngành của tỉnh. Là một trong bốn trường THPT công lập trên địa bàn thành phố Thuận An, hàng năm trường đón nhận từ 350 đến 520 học sinh trên địa bàn và một số khu vực lân cận vào lớp 10 trung học phổ thông. Nhờ ổn định về chất lượng đào tạo, năm học 2012-2013 trường được chọn làm thí điểm mô hình trường THPT chất lượng cao theo Đề án 823/ĐA-SGDĐT, thực hiện chính thức từ năm học 2014-2015. Năm 2016, trường tiếp tục thực hiện mô hình trường THPT chất lượng cao theo Quyết định 3294/QĐ-UBND, ngày 30/11/2016 phê duyệt kế hoạch phát triển trường THCS tạo nguồn và trường THPT chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025. Qua sáu năm thực hiện đề án, chất lượng dạy và học của thầy và trò nhà trường đã có bước chuyển biến tích cực, tỉ lệ học sinh đạt học lực khá, giỏi được giữ vững ở mức từ 91 đến 92%, số học sinh trúng tuyển ĐH tăng đều, chất lượng đội ngũ và cơ sở vật chất của nhà trường cũng có bước phát triển đáng kể so với những năm trước đây.

Năm 2011, trường được công nhận chuẩn quốc gia giai đoạn 2011-2015. Năm 2016, trường được tái công nhận chuẩn giai đoạn 2016-2021. Đến nay, nhà trường cần tiếp tục xây dựng và phát triển các mặt giáo dục, đào tạo để hoàn thiện hồ sơ tiếp tục công nhận chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục. Do đó, việc xây dựng Kế hoạch chiến lược là việc làm cần thiết nhằm hoạch định các mục tiêu ngắn và dài hạn trong việc xây dựng uy tín, thương hiệu của nhà trường đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, góp phần giúp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nỗ lực lựa chọn các giải pháp để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục ở mức cao, hỗ trợ kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và đưa ra những điều chỉnh cần thiết để trường THPT Trịnh Hoài Đức đạt được các mục tiêu đề ra trong thời gian tới.

2. Cơ sở pháp lý xây dựng kế hoạch

Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển trường THPT Trịnh Hoài Đức giai đoạn 2020–2025 và tầm nhìn đến năm 2030 và được căn cứ trên những cơ sở pháp lý sau:

- Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020–2025;
- Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Thuận An lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020–2025;
- Luật Giáo dục năm 2019;
- Quyết định 3294/QĐ-UBND, ngày 30/11/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương phê duyệt kế hoạch phát triển trường THCS tạo nguồn và trường THPT chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2025;
- Quyết định 3694/QĐ-UBND-KTN ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh Bình Dương về việc quy hoạch mở rộng đất trường THPT Trịnh Hoài Đức;
- Quyết định 2430/QĐ-UBND, ngày 29/8/2018 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Trường THPT Trịnh Hoài Đức (cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án Trường THPT Trịnh Hoài Đức chất lượng cao);
- Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
- Hướng dẫn số 3414/BGDĐT-GDTrH ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2020-2021;
- Công văn số 1696/SGDĐT-GDTrHTX ngày 06/10/2020 của Sở GDĐT Bình Dương về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2020-2021 đối với giáo dục trung học và giáo dục thường xuyên;
- Công văn 1404/SGDĐT-KTQLCLGD, ngày 11/9/2020 của Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2020–2021.

II. THỰC TRẠNG TRƯỜNG THPT TRỊNH HOÀI ĐỨC

1. Quy mô phát triển về số lượng học sinh

Thực hiện đề án trường chất lượng cao, trong 05 năm học gần đây, trường giữ ổn định 30 lớp (10 lớp / khối) với sĩ số không vượt quá 35 học sinh /lớp. Tỷ lệ bỏ học không vượt quá 0.2%. Từ năm học 2017–2018, hàng năm trường tuyển mới 350 học sinh lớp 10; năm học 2020-2021 tuyển sinh 15 lớp, với 525 học sinh.

Khối	2016–2017	2017–2018	2018–2019	2019-2020	2020-2021
10	314	312	345	317	520
11	315	307	310	340	338
12	296	308	299	301	318
Tổng số	925	927	954	958	1176

2. Cơ sở vật chất

Trường THPT Trịnh Hoài Đức có tổng diện tích đất 32.498m²; sân bãi 15.309m². (5.3m²/1 học sinh)

Hiện nay, trường có tổng số 42 phòng học kiên cố/ 35 lớp (1.5m²/1 hs), 13 phòng bộ môn (Lý, Hóa, Sinh, Ngoại ngữ, Công nghệ), 02 phòng vi tính với 72 máy có kết nối Internet, 01 phòng thiết bị và 01 hội trường 400 chỗ và 01 phòng đa năng có sức chứa 400 chỗ; Khu bán trú có 200 giường tầng, đáp ứng nhu cầu nghỉ trưa cho 400 học sinh.

Tất cả các phòng học của trường đều được trang bị đèn, quạt và thiết bị dạy học thông minh (30 bảng thông minh, và 1200 máy tính bảng) để giáo viên có thể ứng dụng CNTT ngay tại lớp và có hệ thống amply, loa phục vụ cho việc kiểm tra môn Ngoại ngữ.

Thư viện có diện tích 207 m², đạt chuẩn theo quyết định số 1383/QĐ-SGDĐT ngày 12/11/2007 của Sở GDĐT và danh hiệu “Thư viện xuất sắc” theo quyết định số 1381/QĐ-SGDĐT ngày 28/5/2014 của Sở GDĐT. Hiện nay thư viện đã được trang bị 20 máy tính để chuẩn bị được công nhận thư viện điện tử.

Cảnh quan nhà trường thoáng mát, xanh-sạch-đẹp, đáp ứng yêu cầu trường học thân thiện. Trường có khu vệ sinh riêng biệt (100 phòng vệ sinh); hệ thống nước uống tại vòi và nước uống thông qua lõi lọc (kinh phí từ nguồn xã hội hóa và trang bị trong gói xây dựng giai đoạn 1 phía sau); có hệ thống phòng cháy chữa cháy và camera an ninh; nhà ăn và căn tin đảm bảo VSATTP.

(xem Phụ lục 1 về cơ sở vật chất)

3. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên

Năm học 2020-2021, trường có tương đối đầy đủ giáo viên giảng dạy tất cả các bộ môn theo quy định. Tổng số giáo viên trực tiếp giảng dạy là 63 (36 nữ). Số thành viên Ban giám hiệu là 04 (01 nữ; 03 thạc sỹ; 01 có chứng chỉ bồi dưỡng CBQLGD). Giáo viên, nhân viên nhà trường được biên chế vào 01 tổ Văn phòng và 09 tổ chuyên môn: Toán, Lý-KTCN, Hóa, Sinh-KTNN, Ngữ văn, Sử-Địa-GDCD, Ngoại ngữ, Tin học, Thể dục-GDQP.

(xem Phụ lục 3 về số lượng đội ngũ)

Thống kê giáo viên theo vị trí việc làm, trình độ đào tạo như sau:

Tổng số	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng	Giáo viên trực tiếp dạy lớp	Công tác khác và nhân viên	Giáo viên đạt chuẩn	Giáo viên trên chuẩn	Giáo viên chưa đạt chuẩn
79	01	03	63	12	37	26	00

Hàng năm, trường đều có giáo viên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Số giáo viên có trình độ sau đại học hiện nay là 26/63 (41.26%), trình độ đại học là 37/63 (58.73%); giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn theo khung năng lực C1 là 6/7 (85.71%)

Chất lượng giảng dạy của giáo viên có sự chuyển biến tốt nhờ sự hỗ trợ của Sở GDĐT, giúp sàng lọc đội ngũ, bổ sung giáo viên mới là các sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi từ Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, có năng lực chuyên môn tốt, có tâm huyết với nghề.

Nhà trường chú trọng trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý từ cấp độ tổ chuyên môn và trong quy hoạch đội ngũ kế cận. Số tổ trưởng, tổ phó chuyên môn có trình độ sau đại học là 15/20 (75%). Tuổi bình quân của cán bộ quản lý là 40 tuổi, của giáo viên là 36.9 tuổi.

Nhân viên của nhà trường có thái độ phục vụ tốt, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, tinh thần làm việc hăng hái, nhiệt tình.

Tổng số nhân viên hiện nay là 12 người, chia theo vị trí việc làm như sau:

Tổng số	Kế toán	Văn thư	Phục vụ	Y tế	Thư viện	Thiết bị	Phòng Ngoại ngữ	CNTT	Bảo vệ
12	1	1	2	1	1	1	1	1	3

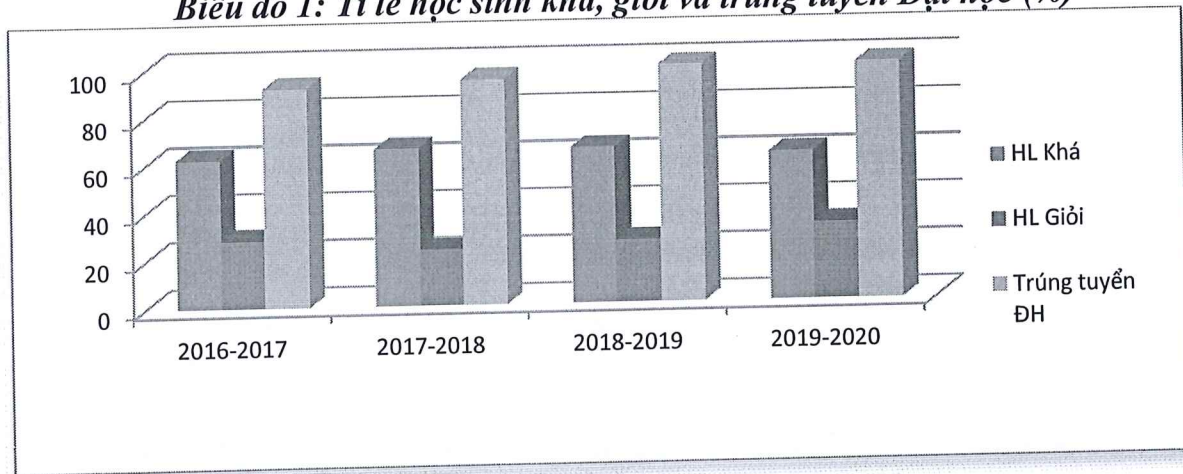
4. Chất lượng giáo dục, đào tạo

Từ năm học 2016-2017 đến nay, chất lượng giảng dạy của nhà trường được nâng cao rõ rệt, tỉ lệ học sinh khá, giỏi, học sinh trúng tuyển vào các trường Đại học tăng hàng năm. Từ năm học 2013-2014 đến nay trường không có học sinh thi lại, không có học sinh xếp hạnh kiểm yếu. Học sinh của nhà trường tham gia đầy đủ các cuộc thi chọn học sinh cấp tỉnh và các kỳ thi học sinh giỏi phong trào trong và ngoài tỉnh như Olympic tháng tư tại Tp. HCM, Olympic tiếng Anh THPT, Sao Khuê Văn học, Toán Lương Thế Vinh, và đều đạt giải cao. 100% học sinh của nhà trường được rèn luyện kỹ năng sống, giáo dục giá trị sống thông qua các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, chung tay vì cộng đồng và hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm.

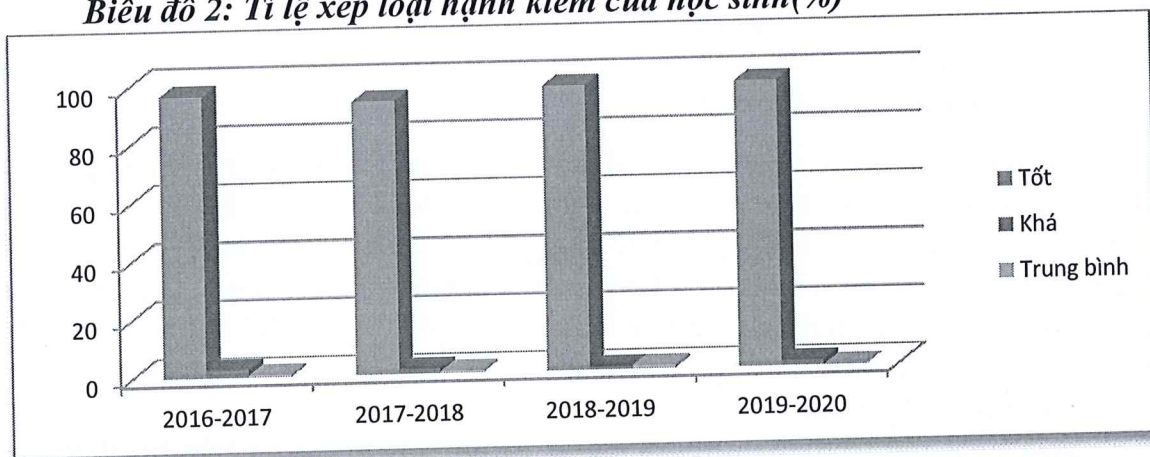
Ban kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến của học sinh về chất lượng giảng dạy của giáo viên cũng như điều kiện cơ sở vật chất phục vụ việc học tập và các hoạt động giáo dục khác (2 lần/ học kỳ). Kết quả khảo sát được dùng làm tư liệu tham khảo trong việc đánh giá chất lượng giảng

dạy của giáo viên và điều kiện CSVC của nhà trường. Kết quả hai mặt giáo dục của nhà trường được cụ thể bằng các biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 1: Tỷ lệ học sinh khá, giỏi và trúng tuyển Đại học (%)



Biểu đồ 2: Tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm của học sinh (%)



Biểu đồ 3: Kết quả học sinh giỏi các cấp (giải)



Nhìn chung, nhà trường có sự chuyển biến mạnh về chất lượng giáo dục: tỷ lệ trúng tuyển đại học, tỉ lệ học sinh được xếp loại học lực khá, giỏi và học sinh giỏi các cấp.

Phân tích biểu đồ 1 có thể thấy sự gia tăng tỷ lệ trúng tuyển đại học từ 92.36% → 100%, đây là một sự chuyển biến lớn về chất lượng của nhà trường.

Tỷ lệ học sinh giỏi tăng 18% (từ 28.4% → 32.25%), tỉ lệ học sinh khá được giữ ở mức ổn định. Số liệu phản ánh có sự thay đổi tích cực về chất lượng của giảng dạy và quản lý trong nhà trường trong những năm gần đây. Đây cũng là kết quả của một quá trình phấn đấu không ngừng của tập thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Tỷ lệ học sinh xếp hạnh kiểm tốt đạt 98.38% (tăng 1.3%). Điều này cho thấy có sự chuyển biến tốt về giáo dục đạo đức cho học sinh (biểu đồ 2).

Trong các kỳ thi học sinh giỏi, tỷ lệ học sinh giỏi cấp Tỉnh ổn định hàng năm, chất lượng sinh giỏi cấp khu vực mặc dù có ổn định nhưng vẫn còn thấp và chưa đạt chỉ tiêu Đề án trường chất lượng cao. Riêng năm 2019-2020 không có thi học sinh giỏi cấp khu vực do tình hình dịch bệnh Covid-19 (biểu đồ 3). Nhà trường cần quan tâm hơn việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi và cần nâng cao chất lượng công tác này.

5. Chế độ, chính sách đãi ngộ

Ngoài các chế độ, chính sách đã ban hành và còn hiệu lực thì công chức, viên chức, nhân viên và học sinh của trường còn được hưởng chế độ chính sách theo Nghị quyết số 07/2019/QĐ-HĐND ngày 31/7/2019 của HĐND tỉnh Bình Dương qui định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, nhân viên và học sinh, sinh viên ngành giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Dương. Cụ thể như sau:

5.1. Hỗ trợ học sinh

Sinh hoạt phí (thực hiện 09 tháng/năm) đối với học sinh bán trú thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh, gia đình chính sách và gia đình thuộc đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật: 0,45 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng;

Cấp học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh đạt kết quả học tập cuối học kỳ loại giỏi: 0,15 lần mức lương cơ sở/học sinh/tháng (thực hiện 09 tháng/năm)

5.2. Hỗ trợ cán bộ quản lý (Ban Giám hiệu)

Ban giám hiệu được hưởng 1,3 mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 09 tháng/năm).

5.3. Hỗ trợ giáo viên

- Giáo viên dạy các lớp chất lượng cao được tính theo tổng số tiết thực dạy cho các lớp chất lượng cao (thực hiện 9 tháng/năm).

- Giáo viên dạy trên 10 tiết/tuần: 1,7 mức lương cơ sở /người/tháng;

- Giáo viên dạy từ 10 tiết/tuần trở xuống: 1,3 mức lương cơ sở /người/tháng.

5.4. Hỗ trợ nhân viên

Nhân viên (trừ bảo vệ, phục vụ): 0,8 lần mức lương cơ sở/người/tháng (thực hiện 9 tháng/năm).

5.5. Hỗ trợ giáo viên soạn thảo, thẩm định tài liệu

Giáo viên soạn thảo, thẩm định tài liệu, giáo trình dạy các môn tăng cường cho lớp chất lượng cao

- Hỗ trợ giáo viên soạn thảo: 25.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học mức tối đa không quá 3.000.000 đồng/giáo trình/môn học;
- Hỗ trợ thẩm định: 5.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 600.000 đồng/giáo trình/môn học.

5.6. Hỗ trợ chỉnh sửa bổ sung, thẩm định tài liệu, giáo trình

Giáo trình giảng dạy buổi 2 phải được chỉnh sửa, bổ sung hàng năm; trường hợp chỉnh sửa trên 50% đơn vị kiến thức so với bản gốc, nếu được thẩm định công nhận thì được hỗ trợ:

Hỗ trợ tác giả: 10.000 đồng/trang chuẩn/giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/giáo trình/môn học.

Hỗ trợ thẩm định: 2.500 đồng/trang chuẩn/ giáo trình/môn học, mức tối đa không quá 300.000 đồng/giáo trình/môn học.

5.7. Thỉnh giảng giáo viên bồi dưỡng học sinh dự thi HSG cấp quốc gia

Mức thù lao theo thỏa thuận giữa hai bên trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

5.8. Đối với thỉnh giảng giáo viên môn ngoại ngữ

- Thỉnh giảng giáo viên bản ngữ dạy ngoại ngữ 1 (tiếng Anh) 02 tiết/tuần và giáo viên dạy ngoại ngữ 2 (các ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh) 01 tiết/tuần;
- Ngân sách hỗ trợ một phần thù lao theo mức do cấp thẩm quyền quyết định trên cơ sở vận dụng quy định pháp luật hiện hành và phần còn lại do cha mẹ học sinh đóng góp.

5.9. Hỗ trợ tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước

Việc tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị trong nước: 01 lần/năm học dành cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của trường.

6. Kinh phí hoạt động

Nguồn kinh phí để xây dựng, bổ sung trang thiết bị hiện đại; để thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ cho công chức, viên chức, nhân viên, học sinh ngành GDĐT; để thực hiện các hoạt động giáo dục,... từ Ngân sách Nhà nước cấp.

Thực hiện xã hội hóa (cha mẹ học sinh đóng góp) để tổ chức bán trú, phục vụ ăn trưa cho các học sinh (tự nguyện đăng kí) nghỉ trưa tại trường, kinh phí khen thưởng học sinh giỏi, hỗ trợ các hoạt động ngoại khóa, phục vụ học sinh giỏi đều từ nguồn tài trợ.

7. Đánh giá chung kết quả giảng dạy và giáo dục trong 05 năm gần đây

7.1. Kết quả đạt được

Trong 05 năm qua, trường THPT Trịnh Hoài Đức từng bước nâng cao chất lượng giáo dục học sinh; đầu tư về cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; học sinh của nhà trường đã và đang được thụ hưởng hoạt động giáo dục chất lượng cao. Học sinh đã được tăng cường các hoạt động trải nghiệm khám phá, dã ngoại, tiếp xúc với thiên nhiên, rèn luyện kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng

sống, phát triển tính độc lập, tích cực, sáng tạo, nhất là trong giao tiếp và xử lý những tình huống thực tế.

Điểm mạnh của nhà trường còn thể hiện ở đầu ra, có tỷ lệ trúng tuyển vào các trường Đại học top đầu cao, góp phần tích cực vào công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh nhà.

Những kết quả trên cho thấy mô hình trường chất lượng cao là mô hình giáo dục tiên tiến, góp phần đào tạo thế hệ học sinh có phẩm chất tốt, giỏi về tri thức, vững về kỹ năng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn hội nhập.

7.2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động nâng cao chất lượng giảng dạy và giáo dục nhưng hiện nay nhà trường vẫn còn một số điểm tồn tại cần khắc phục như:

- Số lượng học sinh giỏi các cấp, số đề tài Khoa học kỹ thuật chưa đạt yêu cầu đặt ra của Đề án trường chất lượng cao;

- Điểm bình quân tốt nghiệp THPT và điểm xét tuyển đại học của học sinh còn chưa được cải thiện rõ rệt;

- Đến năm học 2020-2021 chưa triển khai việc dạy các môn năng khiếu theo nguyện vọng của học sinh;

- Sau 05 năm trẻ hóa đội ngũ, nhà trường đã hình thành đội ngũ giáo viên trẻ nhiệt tình, có tính xung kích cao, tuy nhiên chất lượng đội ngũ chưa đồng đều. Một số giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng học sinh giỏi, chưa sử dụng thành thạo các thiết bị dạy học hiện đại; việc ứng dụng công nghệ thông tin của một số giáo viên chưa đạt được hiệu quả cao;

- Hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học và quản lý nhà trường có đôi chỗ còn hạn chế;

- Ngoài ra, việc sinh hoạt tổ chuyên môn tương đối đầy đủ nhưng chất lượng vẫn còn hạn chế, chưa đi vào chiều sâu theo hướng nghiên cứu nội dung bài học;

- Số giáo viên được công nhận danh hiệu “Giáo viên dạy giỏi” cấp cơ sở còn ít so với yêu cầu của đề án (30% so với yêu cầu 60–70%). Số lượng giáo viên tham gia nghiên cứu KHKT và hướng dẫn học sinh làm đề tài còn tương đối ít.

- Trường còn thiếu giáo viên ở một số bộ môn. Cụ thể, năm học 2020–2021 trường thiếu 13 giáo viên, chủ yếu ở các môn tiếng Anh, Toán, Ngữ văn, Hoá học.

7.3. Nguyên nhân

Nguồn học sinh tuyển đầu vào còn hạn chế dẫn đến tỉ lệ chọi không cao do tâm lý e ngại và nhận thức chưa đúng của học sinh và phụ huynh, lo ngại không trúng tuyển và trường THPT Trịnh Hoài Đức thì sẽ không được học ở các trường THPT khác.

Chương trình giảng dạy của một số môn còn bám sát sách giáo khoa, mang tính hàn lâm, chú trọng lý thuyết hơn thì nghiệm thực hành.

Trường còn thiếu giáo viên ở một số bộ môn, dẫn đến việc giáo viên phải giảng dạy nhiều, không có thời gian nghiên cứu, đầu tư cho soạn giảng. Chất lượng giáo viên chưa đồng đều. Một số giáo viên chậm đổi mới phương pháp giảng dạy, sử dụng công nghệ thông tin chưa đạt hiệu quả. Một số giáo viên hạn chế về trình

độ chuyên môn, chưa đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng học sinh giỏi và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Giáo viên còn dạy thêm bên ngoài nhà trường.

Trang thiết bị dạy học được cấp theo nhiều đợt khác nhau nên chưa đồng bộ, vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ. Một số máy tính, máy chiếu, bảng thông minh hư hỏng ngay sau khi hết bảo hành. Mạng internet, wifi của trường hầu như chỉ sử dụng được cho bộ phận văn phòng, không sử dụng được tại các lớp học.

Việc đổi mới nội dung chương trình đối với các trường THPT chất lượng cao, nhất là các chương trình nâng cao còn nhiều bất cập, đặc biệt là đổi mới PPDH, đổi mới kiểm tra, đánh giá còn nhiều lúng túng, chuyển biến chậm.

BGH nhà trường và giáo viên có lúc chưa có những biện pháp tích cực trong việc phối hợp giáo dục giữa nhà trường với gia đình học sinh.

Một số biện pháp quản lý thực hiện thiếu đồng bộ, còn lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch, chưa thật sự có những giải pháp tốt trong chỉ đạo thực hiện đổi mới đồng bộ các phương pháp dạy và học.

Tóm lại:

Từ khi thực hiện mô hình trường THPT chất lượng cao, đặc biệt là trong năm gần đây, chất lượng giáo dục của nhà trường đã được củng cố và phát triển, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương. Kết quả nổi bật của nhà trường là chất lượng dạy, học và phục vụ học sinh ở tầm cao hơn so với mặt bằng chung. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được nâng cao, đảm bảo về số lượng, cơ cấu và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu quản lý, giáo dục trường chất lượng cao. Kết quả thực hiện nhiệm vụ qua từng năm của nhà trường đã có tác động tích cực về chính trị, xã hội, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự quan tâm chung tay vào cuộc của các tổ chức, cá nhân và phụ huynh học sinh trong việc củng cố và phát triển và xây dựng uy tín của nhà trường.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐƠN VỊ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Đánh giá thời cơ và thách thức

1.1. Thời cơ

Ngày 30/11/2016, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3294/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch phát triển trường THCS tạo nguồn và trường THPT chất lượng cao trên địa bàn tỉnh bình dương giai đoạn 2016–2020; tầm nhìn 2025. Theo đó, trường THPT Trịnh Hoài Đức tiếp tục duy trì mô hình trường chất lượng cao và được ưu tiên đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, nguồn lực và mở rộng diện tích, xây dựng giai đoạn 3.

Theo quyết định của UBND tỉnh, tháng 12/2018 trường THPT Trịnh Hoài Đức đã được khởi công xây dựng giai đoạn 3 với các hạng mục bao gồm: 01 nhà đa năng, khu bán trú với 400 chỗ nghỉ trưa, 17 phòng chức năng mới được trang bị thiết bị hiện đại (thí nghiệm thực hành, tin học, ngoại ngữ), khu luyện tập TDTT ngoài trời; cải tạo các phòng thí nghiệm thực hành và phòng học cũ và nâng quy mô trường lên 42 lớp so với 30 lớp như trước đây. Các hạng mục này được đưa vào sử dụng từ năm học 2020–2021, góp phần phục vụ việc đổi mới phương pháp giảng dạy tăng cường thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu KHKT và dạy học tích

hợp STEM. Khu nhà ăn và bán trú đi vào hoạt động góp phần tạo điều kiện để học sinh nghỉ trưa tại trường, hạn chế việc di chuyển, đảm bảo sức khỏe tham gia học tập và các hoạt động giáo dục buổi 2 của nhà trường. Việc này được sự hưởng ứng tích cực từ cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Chất lượng tuyển sinh đầu vào được giữ ổn định trong nhiều năm (điểm chuẩn cao nhất trong các trường THPT không chuyên của tỉnh) đã góp phần gia tăng số lượng học sinh giỏi và học sinh có năng khiếu. Điều này cũng đồng nghĩa học sinh có ý thức học tập cao và tổ chức kỷ luật tốt.

Qua nhiều năm xây dựng mô hình trường THPT chất lượng cao nhà trường đã tạo được uy tín và sự tin tưởng của xã hội, đặc biệt là cha mẹ học sinh. Các nguồn lực hỗ trợ cho nhà trường từ xã hội hóa (Hội Cha mẹ học sinh, Hội cựu học sinh, các công ty trên địa bàn và các mạnh thường quân khác) ngày càng gia tăng.

Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị giảng dạy được ưu tiên đầu tư. Cảnh quan nhà trường có sự chuyên biến rõ rệt, tạo môi trường học tập thân thiện và an toàn.

Chất lượng đội ngũ giáo viên được cải thiện nhờ việc trẻ hóa đội ngũ và tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi từ trường ĐH Sư phạm Tp Hồ Chí Minh. Giáo viên có ý thức tự học tập nâng cao trình độ. Hàng năm trường đều có giáo viên học sau Đại học.

1.2. Thách thức

Gia tăng đầu tư cơ sở hạ tầng cho nhà trường và nâng chất lượng đầu vào đồng nghĩa với việc xã hội và nhân dân đặt ra yêu cầu cao về chất lượng đầu ra, đòi hỏi nhà trường phải thực hiện nhiều nhiệm vụ về giáo dục- đào tạo trong thời gian tới. Để đạt được các mục tiêu đề ra cho nhà trường theo yêu cầu của HĐND, UBND và Sở GDĐT cũng như của cha mẹ học sinh, trường cần khắc phục và vượt qua một số tồn tại và thách thức.

Một là tỉ lệ học sinh giỏi dự thi quốc gia chưa đạt yêu cầu của trường chất lượng cao (20–30% tổng số học sinh giỏi của tỉnh); điểm bình quân trúng tuyển đại học của học sinh còn chưa được cải thiện nhiều, chưa có tên trong danh sách 200 trường THPT uy tín của cả nước.

Hai là đội ngũ giáo viên còn thiếu và chất lượng chưa đồng đều, một số giáo viên chưa ứng dụng thành thạo CNTT vào soạn giảng, ngại đổi mới phương pháp; một số giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng học sinh giỏi, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, sáng tạo kỹ thuật;

Ba là việc áp dụng sáng kiến, nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy năng lực của học sinh còn hạn chế. Hoạt động thí nghiệm thực hành chủ yếu là thực hiện các yêu cầu của sách giáo khoa, chưa chú trọng vận dụng kiến thức vào giải quyết các yêu cầu của đời sống xã hội;

Bốn là chất lượng phục vụ học sinh chỉ ở mức khá, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát huy năng khiếu, trang bị kỹ năng sống, giáo dục giá trị sống, giải trí, vui chơi, rèn luyện sức khỏe của học sinh; chỗ nghỉ trưa còn thiếu và chưa tiện nghi.

Năm là việc quản lý, bảo quản, khai thác cơ sở vật chất, trang thiết bị và ứng dụng CNTT có lúc còn chưa thật sự hiệu quả như yêu cầu của đề án trường chất lượng cao.

Sáu là cần quản lý tốt nề nếp học tập và nghỉ ngơi của học sinh trong các giờ học chính khóa, học buổi 2, ngoại khoá và thời gian nghỉ trưa tại trường.

Bảy là đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, không có bạo lực học đường và bất bình đẳng giới, nơi học sinh được tạo mọi điều kiện phát huy sở trường, năng khiếu và được trang bị kỹ năng cơ bản cho cuộc sống nghề nghiệp hoặc học tập ở bậc cao hơn.

2. Sứ mệnh – Tầm nhìn – Giá trị

2.1. Sứ mệnh

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện cho học sinh phát huy phẩm chất, năng lực của bản thân, trở thành công dân có trách nhiệm, có ích, có năng lực đáp ứng yêu cầu của đời sống xã hội.

2.2. Tầm nhìn

Đến năm 2025, trường THPT Trịnh Hoài Đức nằm trong 200 trường THPT có chất lượng đào tạo tốt nhất Việt Nam.

2.3. Các giá trị cốt lõi

Tự tin – Tự trọng – Tự lập – Sáng tạo

3. Định hướng phát triển giai đoạn 2020–2025 và tầm nhìn đến năm 2030

3.1. Mục tiêu

3.1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, có cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Đến năm 2025 trường xếp trong 200 trường THPT có chất lượng đào tạo tốt nhất Việt Nam, đến năm 2030, nằm trong 150 trường top đầu của Việt Nam; là trường THPT trọng điểm chất lượng cao của tỉnh, xếp thứ 2 sau trường THPT chuyên Hùng Vương.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

3.1.2.1. Quy mô phát triển

Số lượng học sinh

Từ năm học 2021-2022 trở đi, nhà trường ổn định số lượng tuyển sinh đầu cấp (14 lớp, 490 học sinh); tham mưu Sở GDĐT giữ ổn định hình thức và nâng cao chất lượng kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10; duy trì sĩ số học sinh trên lớp; phấn đấu không có học sinh nghỉ, bỏ học do hoàn cảnh khó khăn. Kế hoạch phát triển số lượng học sinh như sau:

Năm học	2021–2022		2022–2023		2023–2024		2024–2025	
	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh
10	14	490	14	490	14	490	14	490
11	15	520	14	490	14	490	14	490
12	10	338	15	520	14	490	14	490
Tổng số	39	1348	43	1500	42	1470	42	1470

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên

Phấn đấu có đủ số lượng giáo viên giảng dạy tất cả các bộ môn theo quy định. So sánh số lượng giáo viên hiện tại, số giáo viên sắp nghỉ hưu theo chế độ trong thời gian tới và số lớp dự kiến thì số lượng giáo viên và nhân viên cần bổ sung thêm trong mỗi năm học cụ thể như sau:

Năm học	2021–2022	2022–2023	2023–2024	2024-2025
Số GV cần thêm	24	10	0	0
Số NV cần thêm	1	0	0	0

3.1.2.2. Nâng cao chất lượng đào tạo

Nâng chất lượng đầu vào từ khâu tuyển sinh lớp 10, tuyển thẳng, tuyển bổ sung học sinh đủ tiêu chuẩn vào trường THPT chất lượng cao; mở rộng tuyển sinh trên toàn tỉnh từ năm học 2024-2025;

Nâng cao tỉ lệ học sinh khá giỏi cuối năm học và học sinh giỏi các cấp; số điểm bình quân trúng tuyển đại học từ 21-22 điểm;

Đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học, sáng tạo KHKT trong học sinh; có sản phẩm KHKT đạt giải cấp tỉnh và khu vực;

Làm tốt công tác tuyển chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi.

3.1.2.3. Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống

Đảm bảo 100% học sinh của trường được giáo dục giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khoá, câu lạc bộ, chuyên đề, giao lưu, trải nghiệm, các chương trình chung tay vì cộng đồng.

Học sinh được giảng dạy và cấp chứng nhận hoàn thành một số khoá học các môn năng khiếu và các môn học theo thiên hướng và sở thích của bản thân (nhạc, họa, thiết kế thời trang, nấu ăn, khiêu vũ, võ thuật, cầu lông, bóng rổ, ...)

3.1.2.4. Phát triển chất lượng đội ngũ

Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng học sinh giỏi, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật, dạy các môn năng khiếu theo nguyện vọng của học sinh.

3.2. Chỉ tiêu

3.2.1. Chất lượng giáo dục-đào tạo

- Hàng năm có 100% học sinh được công nhận TN THPT, có ít nhất 98 % học sinh trúng tuyển vào các trường đại học uy tín, theo đúng năng lực;

- Mỗi năm có từ 15 đến 20 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh; 20 đến 30 huy chương Olympic cấp khu vực; từ 05 đến 10 học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia;

- Có ít nhất 90% học sinh đạt danh hiệu học sinh khá, giỏi hàng năm;

- Tăng số lượng các nghiên cứu, sáng tạo KHKT trong học sinh (từ 05 đến 08 đề tài mỗi năm);

- 85% học sinh tốt nghiệp THPT đạt trình độ Ngoại ngữ B1 trở lên theo khung năng lực 6 bậc (CEFR), trong đó có 50% đạt trình độ B2 trở lên;

- Trở thành trường dạy 2 Ngoại ngữ (Anh – Nhật hoặc Anh– Pháp);

- 100% học sinh được giáo dục giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống; tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, các chương trình tham quan, về nguồn, chung tay vì cộng đồng;

- Đáp ứng nhu cầu học tập các môn năng khiếu của học sinh;
- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của “CLB khoa học”. Giáo viên tích cực hướng dẫn học sinh lựa chọn và triển khai thực hiện đề tài sáng tạo KHKT nhằm giúp học sinh nghiên cứu khoa học, sáng tạo các sản phẩm ứng dụng Khoa học, công nghệ vào thực tiễn.

3.2.2. Đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý

- Phấn đấu có 100% cán bộ quản lý và 60% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn;
- 100% giáo viên có chứng chỉ ngoại ngữ B2 và tin học B trở lên, riêng giáo viên Ngoại ngữ phải có chứng chỉ Ngoại ngữ 2 từ A2 trở lên;
- 100% cán bộ quản lý có trình độ từ trung cấp chính trị trở lên;
- Hàng năm có ít nhất 60 % giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi các cấp cơ sở trở lên; giáo viên tăng cường nghiên cứu sư phạm ứng dụng và áp dụng các đề tài vào thực tế giảng dạy; tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin một cách có hiệu quả;
- Trong quy hoạch kế cận, tiếp tục trẻ hoá đội ngũ cán bộ quản lý từ cấp tổ chuyên môn.

3.2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

- 100 % phòng học được trang bị thiết bị hiện đại đảm bảo cho giáo viên và học sinh có thể ứng dụng công nghệ thông tin ngay tại lớp;
- 100% các phòng bộ môn được trang bị đầy đủ thiết bị hỗ trợ thí nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và phục vụ công tác nghiên cứu khoa học của giáo viên và học sinh;
- Có thư viện điện tử, giúp học sinh và giáo viên tra cứu tài liệu tham khảo dễ dàng, nhanh chóng; hình thành mô hình khởi nghiệp “cà phê sách” tại thư viện.
- Có phòng học các môn năng khiếu theo yêu cầu của học sinh (nhạc, họa, thiết kế thời trang, nấu ăn, khiêu vũ, ...);
- Có khu vực tập luyện thể thao và sân chơi sạch, đẹp, an toàn cho học sinh;
- Đảm bảo đủ số phòng đầy đủ tiện nghi đáp ứng nhu cầu nghỉ trưa tại trường của học sinh;
- Bếp nấu và nhà ăn thoáng mát, sạch đẹp, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm;
- Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cơ sở vật chất để phục vụ cho việc áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm học 2022–2023;
- Đưa và sử dụng khu Ký túc xá từ năm học 2024-2025.
(xem Phụ lục 2 về cơ sở vật chất)

4. Giải pháp thực hiện

4.1. Đổi mới công tác quản lý giáo dục trong nhà trường

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, trao quyền cho TTCM, tổ chuyên môn tự chủ trong việc thực hiện kế hoạch giảng dạy; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, thanh tra nội bộ;

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhân sự, ngày giờ công, quản lý nề nếp học sinh, công tác điểm số, báo cáo số liệu cho các bên hữu quan;

Xây dựng văn hoá nhà trường, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên.

Phát huy vai trò của Công đoàn cơ sở trong việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công đoàn viên;

Có chính sách ưu tiên, đãi ngộ đối với giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo viên giỏi, giáo viên có thành tích xuất sắc trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đem lại hiệu quả công tác tốt.

4.2. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Chú trọng phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý về cả số lượng và chất lượng, có phẩm chất chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn tốt, trình độ Tin học, Ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực, sử dụng tốt các phương tiện dạy học hiện đại, biết xây dựng nhân cách học sinh qua môn học và cách đánh giá học sinh trong quá trình dạy học;

Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng ưu tiên, động viên giáo viên trẻ, có năng lực tham gia đào tạo sau Đại học; định kỳ bồi dưỡng giáo viên theo kế hoạch của Sở và trường; tiếp tục rà soát, đánh giá năng lực giảng dạy, năng lực Ngoại ngữ, tin học của giáo viên;

Hàng năm đều có quy hoạch đội ngũ giáo viên, thống kê số giáo viên dạy giỏi, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn nhằm có kế hoạch phát huy sở trường công tác, nâng cao hiệu quả giảng dạy và giáo dục;

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực và hiệu quả công tác quản lý theo hướng tăng cường phân cấp quản lý, trao quyền cho TTCM, tổ chuyên môn tự chủ trong việc thực hiện kế hoạch giảng dạy; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, thanh tra nội bộ và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu;

Tham mưu Sở GDĐT tiếp tục lựa chọn, giới thiệu sinh viên tốt nghiệp ĐH Sư phạm loại giỏi về công tác tại trường;

Đánh giá đúng năng lực và trình độ của giáo viên; mạnh dạn đề xuất chuyển giáo viên không đủ trình độ ra khỏi trường hoặc giao công tác khác phù hợp với trình độ;

Xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ;

Định kỳ tổ chức lấy ý kiến của người học và tổ chuyên môn về công tác giảng dạy của giáo viên. Những giáo viên không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của nhà trường, sau thời gian thử thách không tiến bộ sẽ được chuyển sang bố trí công tác khác, đơn vị khác hoặc tinh giản biên chế.

4.3. Đổi mới nội dung, phương pháp, chương trình dạy học

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản;

Tiếp tục dạy học Ngoại ngữ theo hướng phát triển 4 kỹ năng, chú trọng việc vận dụng ngôn ngữ trong giao tiếp; tổ chức dạy Ngoại ngữ 2 (tiếng Nhật hoặc tiếng Pháp) theo hình thức tự nguyện có cam kết bằng nguồn kinh phí xã hội hóa. Tiến hành dạy các môn năng khiếu, âm nhạc, khéo tay, võ thuật, ... trong nhà trường;

Tổ chuyên môn tiếp tục thực hiện việc phát triển chương trình giáo dục phổ thông. Giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học trong mỗi môn học và các chủ đề tích hợp, liên môn, đồng thời xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với các chủ đề và áp dụng các hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực;

Giáo viên tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học, tăng cường thí nghiệm, thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào dạy học;

Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá học sinh; đánh giá bằng nhiều hình thức, nhiều hoạt động;

Triển khai áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông mới từ năm học 2022–2023 theo đúng lộ trình do Bộ GDĐT ban hành;

Tăng cường viết và áp dụng NCKHSPUD, SKKN;

Sử dụng, khai thác có hiệu quả CSVC và các trang thiết bị dạy học mới;

Duy trì việc dạy học và hoạt động giáo dục 2 buổi / ngày;

Duy trì hoạt động của câu lạc bộ khoa học kỹ thuật của trường và vận động lên kế hoạch hoạt động cụ thể tháng, học kỳ, năm học. Tăng cường thí nghiệm, thực hành, giao lưu học tập kinh nghiệm các trường trong và ngoài tỉnh;

Đổi mới hoạt động và đa dạng hóa các đầu sách của thư viện, xây dựng thư viện điện tử, thân thiện, xây dựng mô hình khởi nghiệp “cà phê sách” tại thư viện từ năm học 2021-2022;

Đẩy mạnh hoạt động tư vấn hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp, tư vấn học đường, và các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh.

4.4. Ổn định chất lượng đầu vào, tuyển thẳng, tuyển bổ sung

Tham mưu Sở Giáo dục và Đào tạo giữ ổn định hình thức tuyển đầu vào, tuyển thẳng một số học sinh giỏi cấp THCS vào trường chất lượng cao;

Tiếp tục tổ chức thi tuyển bổ sung học sinh giỏi từ các trường THPT khác vào trường THPT chất lượng cao.

4.5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy

Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giảng dạy, xây dựng kho học liệu điện tử, thư viện điện tử... Góp phần nâng cao chất lượng dạy và học;

Động viên cán bộ, giáo viên, công nhân viên tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để sử dụng thành thạo máy tính, bảng thông minh và các thiết bị phục vụ cho công việc mình phụ trách;

Khuyến khích giáo viên xây dựng kho học liệu và bài giảng / lớp học trực tuyến, đẩy mạnh các hình thức kiểm tra đánh giá học sinh qua việc tương tác trong lớp học trực tuyến.

4.5. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục

Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên;

Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường;

Sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính từ ngân sách Nhà nước cấp hàng năm và các nguồn ngoài ngân sách;

Tăng cường hiệu quả hoạt động của Hội Khuyến học ở tại đơn vị.

4.6. Xây dựng thương hiệu

Xây dựng thương hiệu và tín nhiệm của xã hội đối với nhà trường;

Xác lập tín nhiệm thương hiệu đối với từng cán bộ giáo viên, công nhân viên, học sinh và Cha mẹ học sinh;

Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống Nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của Nhà trường;

Hợp tác tốt với các cơ quan báo chí và truyền thông;

Giữ mối liên hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương, hội Cha mẹ học sinh, Hội cựu học sinh của trường và các đơn vị tài trợ, mạnh thường quân.

4.7. Kịp thời giải quyết chế độ chính sách cho học sinh, giáo viên, nhân viên của nhà trường

Hàng năm tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ để đảm bảo các khoản thu chi hợp lý, chú trọng tuyên dương, khen thưởng kịp thời các cá nhân có thành tích cao trong giảng dạy và học tập;

Kịp thời giải quyết các chế độ cho giáo viên, công nhân viên và học sinh theo quy định của Nhà nước và địa phương;

4.8. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

Tiến hành kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục (định kỳ trong nhà trường và theo kế hoạch của Sở)

4.9. Tổ chức giao lưu, hợp tác

Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh giao lưu, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với các trường THPT trong và ngoài tỉnh, trường THPT chuyên, các trường có loại hình tương tự trong và ngoài nước hàng năm.

5. Nguồn kinh phí

Ngân sách Nhà nước cấp hàng năm theo quy định;

Các nguồn xã hội hoá (đóng góp của Cha mẹ học sinh, tài trợ của các mạnh thường quân, các công ty trong địa bàn trong và ngoài thị xã, Hội cựu học sinh...);

Các nguồn thu từ việc giảng dạy buổi 2, dịch vụ của nhà trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền và thông tin phổ biến, nâng cao nhận thức

- Cuối tháng 10 năm 2020: Họp chi bộ, thông qua kế hoạch; họp hội đồng sư phạm, phổ biến nội dung của kế hoạch này tới toàn thể cán bộ giáo viên, CNV nhà trường để họ nhận xét, góp ý

- Đầu tháng 11 năm 2010: gửi kế hoạch đến các cơ quan chủ quản.

- Tháng 12 năm 2020: Họp PHHS, học sinh và các tổ chức cá nhân có liên quan để phổ biến kế hoạch; đăng tải thông tin trên website của trường.

2. Tổ chức bộ máy và phân công thực hiện

2.1. Chi bộ

- Xem xét kế hoạch, gợi ý điều chỉnh, bổ sung các nội dung còn thiếu;
- Lãnh đạo công tác tư tưởng và công tác nhân sự, tổ chức bộ máy để đảm bảo việc triển khai thực hiện kế hoạch;
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của Ban giám hiệu.

2.2. Hiệu trưởng

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tới từng cán bộ, giáo viên, công nhân viên nhà trường;
- Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá, rút kinh nghiệm, đề xuất điều chỉnh việc thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học;
- Quản lý việc triển khai và thực hiện kế hoạch;
- Kiểm tra tiến độ và hiệu quả của việc thực hiện kế hoạch;
- Đánh giá kết quả thực hiện theo từng học kỳ, năm học;
- Định kỳ báo cáo với cấp ủy và lãnh đạo cấp trên về tiến độ và kết quả của việc thực hiện kế hoạch;
- Chủ trì tham mưu các cấp lãnh đạo bổ sung, điều chỉnh chính sách, văn bản hướng dẫn để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

2.3. Các phó Hiệu trưởng

- Theo nhiệm vụ được phân công, xây dựng kế hoạch chuyên môn từng năm học, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể;
- Kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch của các tổ chuyên môn và các nội dung do cá nhân phụ trách;
- Ký duyệt các loại hồ sơ, kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn và các bộ phận do cá nhân phụ trách;
- Báo cáo với Hiệu trưởng kết quả hoạt động hàng tháng trong buổi họp giao ban; đề xuất những giải pháp để thực hiện, điều chỉnh kế hoạch.

2.4. Tổ trưởng chuyên môn

- Căn cứ kế hoạch và yêu cầu của nhà trường để xây dựng kế hoạch của tổ, cụ thể từng tuần, tháng, có phân công nhiệm vụ rõ ràng;
- Nộp kế hoạch cho Ban giám phê duyệt từng tháng;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên;
- Tìm hiểu nguyên nhân của thành công, thất bại, đề xuất các giải pháp để thực hiện, điều chỉnh kế hoạch;

2.5. Cán bộ, giáo viên, công nhân viên

- Căn cứ các chỉ tiêu của kế hoạch của tổ chuyên môn để xây dựng kế hoạch cá nhân và các chỉ tiêu cần đạt được theo từng học kỳ và năm học;
- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học cho bộ phận quản lý; đề xuất các giải pháp để thực hiện, điều chỉnh kế hoạch;

PHỤ LỤC 1
Cơ sở vật chất hiện có đến năm học 2020-2021

A. Khối phòng học	Số lượng	Chia ra		
		Kiên cố	Bán k.cố	Tạm
Số phòng học theo chức năng	55	55		
Chia ra: - Phòng học văn hoá	42	42		
- Phòng học bộ môn	13	13		
Trong đó:				
+ Phòng bộ môn Vật lý	3	3		
+ Phòng bộ môn Hoá học	3	3		
+ Phòng bộ môn Sinh vật	2	2		
+ Phòng bộ môn Tin học	2	2		
+ Phòng bộ môn Ngoại ngữ	3	3		
+ Phòng nghe nhìn	0	0		
Thiết bị phục vụ giảng dạy (máy vi tính)	80			
B. Khối phòng phục vụ học tập	Số lượng	Chia ra		
		Kiên cố	Bán k.cố	Tạm
Số phòng chia theo chức năng	5	5		
Chia ra: - Thư viện	1	1		
- Phòng thiết bị giáo dục	1	1		
- Phòng Đoàn	1	1		
- Phòng truyền thống	1	1		
- Nhà tập đa năng	0	0		
- Hội trường	1	1		

C. Khối phòng tổ chức ăn nghỉ	Số lượng	Chia ra		
		Kiên cố	Bán k.cố	Tạm
Số phòng theo chức năng	14	14		
Chia ra: - Nhà bếp	1	1		
- Phòng ăn	1	1		
- Phòng nghỉ	12	12		
- Ký túc xá	0			
D. Khối phòng hành chính quản trị	Số lượng	Chia ra		
		Kiên cố	Bán k.cố	Tạm
Số phòng chia theo chức năng	15	15		
Chia ra: - Phòng Hiệu trưởng	1	1		
- Phòng Phó hiệu trưởng	3	3		
- Phòng giáo viên	5	5		
- Phòng họp	2	2		
- Văn phòng trường	1	1		
- Phòng y tế học đường	1	1		
- Phòng tư vấn học đường	1	1		
- Nhà công vụ giáo viên	0	0		
- Phòng kho lưu trữ	1	1		
- Nhà xe giáo viên	1	1		
- Nhà xe học sinh	1	1		

PHỤ LỤC 2

Cơ sở vật chất dự kiến trang bị, xây dựng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030

A. Khối phòng học	Số lượng	Chia ra		
		Kiên cố	Bán k.cố	Tạm
Số phòng học theo chức năng	55	55		
Chia ra: - Phòng học văn hoá	42	42		
- Phòng học bộ môn	13	13		
Trong đó:				
+ Phòng bộ môn Vật lý	3	3		
+ Phòng bộ môn Hoá học	3	3		
+ Phòng bộ môn Sinh vật	2	2		
+ Phòng bộ môn Tin học	2	2		
+ Phòng bộ môn Ngoại ngữ	3	3		
+ Phòng nghe nhìn	0	0		
+ Thiết bị phục vụ giảng dạy :				
Máy vi tính	120			
Máy chiếu	45			
Laptop	45			
Loa	45(cặp)			
B. Khối phòng phục vụ học tập	Số lượng	Chia ra		
		Kiên cố	Bán k.cố	Tạm
Số phòng chia theo chức năng	7	7		
Chia ra: - Thư viện	1	1		
- Phòng thiết bị giáo dục	1	1		
- Phòng Đoàn	1	1		

- Phòng truyền thống	1	1		
- Nhà tập đa năng	1	1		
- Hội trường	2	2		
C. Khối phòng tổ chức ăn nghỉ	Số lượng	Chia ra		
		Kiên cố	Bán k.cố	Tạm
Số phòng theo chức năng	23	23		
Chia ra: - Nhà bếp	1	1		
- Phòng ăn	1	1		
- Phòng nghỉ	20	20		
- Ký túc xá	1	1		
D. Khối phòng hành chính quản trị	Số lượng	Chia ra		
		Kiên cố	Bán k.cố	Tạm
Số phòng chia theo chức năng	10	10		
Chia ra: - Phòng Hiệu trưởng	1	1		
- Phòng Phó hiệu trưởng	3	3		
- Phòng giáo viên	6	6		
- Phòng họp	2	2		
- Văn phòng trường	1	1		
- Phòng y tế học đường	1	1		
- Phòng tư vấn học đường	1	1		
- Nhà công vụ giáo viên	0	0		
- Phòng kho lưu trữ	1	1		
- Nhà xe giáo viên	1	1		
- Nhà xe học sinh	2	2		

PHỤ LỤC 3
Số lượng đội ngũ hiện có đến tháng 10 năm 2020

TỔ/ CBQL	Số lượng	Nữ	Th.S	Nữ Th.S	Thiếu
BGH	4	1	3	1	0
Toán	10	3	4	0	2
Lý	7	3	2	1	1
Công nghệ	2	1	1	1	0
Hoá	7	4	5	2	1
Sinh	4	2	2	1	0
KTNN	1	1	0	0	0
Tin học	5	2	2	2	0
Ngữ văn	7	6	3	2	2
Lịch sử	3	3	1	1	1
Địa lý	3	2	0	0	1
GDCD	2	2	0	0	0
Ngoại ngữ	7	6	6	5	4
Thể dục	4	0	0	0	1
GDQP	2	1	0	0	0
Nhân viên	12	8	0	0	0
Tổng	80	45	29	16	13

